

ĐÁNH GIÁ VỀ KHẢ NĂNG TRUNG QUỐC TRẢ ĐŨA VỀ KINH TẾ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Sau hơn hai tháng hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 ở Vùng Đặc quyền Kinh tế và thềm lục địa Việt Nam, Trung Quốc đã quyết định rút giàn khoan khổng lồ này sớm hơn một tháng so với kế hoạch và Bắc Kinh đã tuyên bố ban đầu. Tuy đã rút đi nhưng việc “thoát Trung” cả về mặt chính trị lẫn mặt kinh tế vẫn còn đang là dấu hỏi khi nhiều chuyên gia phân tích đã cảnh báo rằng những hậu quả đối với tăng trưởng của Việt Nam có thể sẽ rất tai hại nếu như Trung Quốc lựa chọn biện pháp trả đũa về mặt kinh tế.

Bài tổng thuật này sử dụng các nguồn tư liệu từ các báo cáo nghiên cứu đã được công bố và các thông tin từ tạp chí và báo điện tử nhằm đánh giá về khả năng Trung Quốc trả đũa về kinh tế đối với Việt Nam. Đây là một trong loạt bài tổng thuật về vấn đề Biển Đông có tác động tới quan hệ Việt – Trung và trực tiếp ảnh hưởng tới nền kinh tế của Việt Nam.

1. Đánh giá về khả năng Trung Quốc trả đũa về kinh tế đối với Việt Nam

1.1. Theo ý kiến của nhiều chuyên gia, khả năng Trung Quốc dùng các biện pháp kinh tế đối với Việt Nam là không thể loại trừ nhưng không lớn, đặc biệt là khả năng ngừng toàn bộ các quan hệ thương mại song phương. TS. Võ Trí Thành, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, cho rằng Trung Quốc sẽ **không gây hấn với Việt Nam ở quy mô, cường độ lớn.**

Nhận định này xuất phát từ những lý do sau đây:

- Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc không chỉ dừng ở quan hệ giữa hai quốc gia mà còn là quan hệ kinh tế với các tập đoàn đa quốc gia đang đặt cứ điểm sản xuất tại Việt Nam. Trên 60% các sản phẩm điện tử, linh kiện nhập khẩu từ Trung Quốc về Việt Nam là sản phẩm của các tập đoàn đa quốc gia như Sam Sung, Canon... Trung Quốc không dễ bỏ qua những đối tác thương mại lớn như vậy.

- Hàng năm, Trung Quốc xuất khẩu sang Việt Nam khối lượng hàng hóa, dịch vụ giá trị hàng chục tỉ đô la Mỹ. Giả sử lợi nhuận từ giá trị xuất khẩu này chỉ là 10% thôi thì cũng là đã vài tỉ đô la. Đi kèm lợi nhuận là công ăn việc làm

của hàng triệu lao động, nên Trung Quốc cũng cân nhắc tước khi có động thái mạnh tay.

- Việt Nam quan hệ với Trung Quốc trên cơ sở pháp lý rõ ràng, cam kết quốc tế. Trung Quốc không dễ xóa bỏ các hiệp định, cam kết quốc tế; trong khi bản thân nước này phải giữ hình ảnh với thế giới khi chính họ cũng đang phụ thuộc thế giới, nếu hình ảnh xấu đi thì sẽ thiệt hại nhiều hơn. Trung Quốc cũng phải e ngại điều này vì sự phát triển của Trung Quốc còn dựa trên mối quan hệ với nhiều quốc gia khác.

- Trong quan hệ song phương, tính phụ thuộc lẫn nhau giữa VN và Trung Quốc là rất đáng chú ý. Chẳng hạn, 45% lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam đang xuất sang ba tỉnh miền Nam Trung Quốc. Mặc dù Trung Quốc có thể ép giá, nhưng cũng sẽ phải cân nhắc khi quyết định không nhập nữa.

Tuy nhiên, nếu được áp dụng nó chỉ có thể gây những khó khăn, thiệt hại đối với nền kinh tế Việt Nam trong ngắn hạn. Do đó, các doanh nghiệp trong nước cần chủ động các phương án đối phó nhằm giảm thiểu sự tổn thương.

1.2. Trong một bài viết với tiêu đề: “*Nhìn lại các chính sách trừng phạt kinh tế của Trung Quốc: Ít có khả năng xảy ra với Việt Nam*”, TS. Nguyễn Tú Anh, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương đã đưa ra một số đánh giá đáng chú ý, theo đó trong những năm gần đây, cùng với sự lớn mạnh của nền kinh tế, Trung Quốc đang ngày càng có xu hướng sử dụng công cụ trừng phạt kinh tế trong quan hệ đối ngoại. Ngay từ năm 2007, Trung Quốc đã có những nghiên cứu về cách thức và biện pháp sử dụng công cụ trừng phạt kinh tế đơn phương trong quan hệ quốc tế và các nghiên cứu này đều khuyến cáo Trung Quốc nên có luật nội địa về trừng phạt kinh tế. Tuy nhiên, hiệu quả chính sách thường không như mong muốn.

Thực tế cho thấy Trung Quốc không bao giờ lựa chọn cấm vận tuyệt đối với một đối tác thương mại nào mà thường lựa chọn các cách thức trừng phạt kinh tế ngắn hạn và có lựa chọn trên từng mặt hàng, các đơn hàng lớn hoặc trên từng công ty. Lựa chọn cấm vận thương mại tuyệt đối là không thể và không khả thi do các nguyên nhân sau đây:

Thứ nhất, nền kinh tế Trung Quốc phụ thuộc rất lớn vào mạng lưới sản xuất toàn cầu chằng chịt. Việc cấm vận một đối tác thương mại có thể phá vỡ chuỗi giá trị sản xuất của các nhà đầu tư do đó sẽ tăng rủi ro môi trường đầu tư tại Trung Quốc và có thể gây ra sự chuyển dịch sản xuất sang các nước khác.

Ví dụ, mặc dù hàng điện tử xuất khẩu của Philippin sang Trung Quốc chiếm 61% tổng giá trị xuất khẩu của Philippines và việc cấm nhập khẩu hàng điện tử có thể gây thiệt hại lớn cho Philippines nhưng Trung Quốc đã không thực hiện điều này, vì phần lớn nhà nhập khẩu hàng hóa này là các công ty đa quốc gia tại Trung Quốc.

Thứ hai, việc đơn phương cấm vận là bất khả thi do Trung Quốc không đủ sức mạnh để cấm các nước khác quan hệ thương mại với nước bị cấm vận. Do đó, để phá thế cấm vận nước bị cấm vận chỉ cần ký hợp đồng đại lý tại quốc gia thứ ba (ví dụ Mỹ) sau đó việc xuất nhập khẩu với Trung Quốc sẽ thông qua các đại lý này.

Hàng hóa vẫn đi thẳng từ Trung Quốc sang nước bị cấm vận còn chứng từ sẽ đi qua đại lý và từ đại lý về nước bị cấm vận và ngược lại. Cách thức này làm tăng không đáng kể chi phí cho nước bị cấm vận. Ví dụ đất hiếm và chuối được bàn dưới đây sẽ minh chứng cho nhận định này.

Thứ ba, Trung Quốc không sở hữu hệ thống tài chính thanh toán toàn cầu mạnh như Mỹ (Visa, Master, American Express...) do đó, Trung Quốc không có khả năng phát hiện và ngăn chặn những vụ vi phạm lệnh cấm.

Các chính sách trừng phạt kinh tế của Trung Quốc thường không có văn bản chính thức mà được thực hiện một cách bất thành văn. Điều này cho thấy Trung Quốc không thực sự tự tin vào các chính sách này và vẫn chừa một lối thoát ngoại giao khi các chính sách này không đạt kết quả mong muốn và Trung Quốc buộc phải gỡ bỏ.

Các chính sách trừng phạt kinh tế thường là ngắn hạn, không kéo dài hơn hai năm, khi thị trường chưa kịp điều chỉnh. Trong dài hạn, khi thị trường đã điều chỉnh thì những chính sách này trở nên tốn kém mà không có tác dụng. Mặt khác, các nước bị áp đặt các chính sách này thường lựa chọn giải pháp tránh đối đầu trực diện với Trung Quốc do đó thường có những nhượng bộ hình thức (ví dụ vấn đề Đạt Lai Lạt Ma, vấn đề bán vũ khí cho Đài Loan...) để tạo cho Trung Quốc một sự rút lui trong danh dự.

Dưới đây là phân tích hiệu quả của chính sách trừng phạt kinh tế trong tranh chấp lãnh thổ với Nhật và Philippines.

- Đối với xuất khẩu chuối của Philippin

Khi tranh chấp bãi cạn Scarborough với Philippin bùng lên, Trung Quốc đã lựa chọn mặt hàng dễ tổn thương nhất của Philippin là chuối để áp lệnh trừng phạt. Đây là mặt hàng nông sản xuất khẩu lớn thứ hai của Philippin và Trung Quốc là thị trường lớn thứ hai của Philippin. Trung Quốc không chính thức áp lệnh trừng phạt mà chỉ dựng hàng rào kiểm dịch và trì hoãn làm thủ tục nhập khẩu cho chuối của Philippin từ tháng 3-2012. Đến cuối năm 2012, các biện pháp này được lạng lẽ gỡ bỏ. Trên thực tế, biện pháp này hầu như không có hiệu lực. Xuất khẩu chuối của Philippin vào Trung Quốc năm 2012 vẫn tăng cả về giá trị (22,4%) và số lượng (29,4%). Tốc độ này thấp hơn rất nhiều so với năm 2011 nhưng vẫn là một tốc độ tăng trưởng rất cao. Biện pháp này đã thúc đẩy Philippin mở rộng xuất khẩu sang các thị trường khác (Trung Đông, Hàn Quốc, v.v...).

- Nhập khẩu đất hiếm của Nhật Bản

Đất hiếm là đầu vào thiết yếu của hầu hết các ngành công nghệ cao. Trung Quốc giữ vị trí độc quyền về xuất khẩu đất hiếm với thị phần hơn 90%. Kim ngạch nhập khẩu đất hiếm của Nhật từ Trung Quốc chiếm hơn 89% tổng kim ngạch xuất khẩu đất hiếm từ Trung Quốc. Nhật gần như phụ thuộc hoàn toàn từ nguồn đất hiếm của Trung Quốc. Các biện pháp trừng phạt của Trung Quốc năm 2010 trực tiếp ảnh hưởng đến Nhật Bản. Thị phần từ Nhật giảm từ 89% năm 2009 xuống còn 73% năm 2010. Tổng khối lượng xuất khẩu đất hiếm của Trung Quốc năm 2010 tăng hơn 17% nhưng xuất khẩu sang Nhật chỉ tăng 1,5%. Cuối năm 2010, Trung Quốc từ bỏ lệnh cấm xuất khẩu đất hiếm cho Nhật, nhưng bắt đầu áp dụng hạn ngạch xuất khẩu đất hiếm nói chung bằng cách giảm sản lượng xuất khẩu xuống hơn 48% năm 2011 và 15% năm 2012. Những biện pháp này thực sự gây thiệt hại lớn cho Nhật Bản và thế giới trong năm 2011 khi các nước này chưa tìm được các giải pháp thay thế. Năm 2011 mặc dù sản lượng xuất khẩu của Trung Quốc giảm 48% nhưng giá trị xuất khẩu tăng thêm gần 238%. Riêng Nhật Bản, khối lượng nhập khẩu giảm 31,2% nhưng chi phí nhập khẩu phải trả cho Trung Quốc tăng 343%. Tuy nhiên sang năm 2012, khi thị trường đã kịp điều chỉnh, Trung Quốc bắt đầu chịu thiệt hại từ chính sách của họ. Mặc dù tổng khối lượng xuất khẩu đất hiếm chỉ giảm 15% nhưng tổng giá trị xuất khẩu đã giảm 69%. Tương tự, đối với Nhật Bản, khối lượng nhập khẩu giảm 15% nhưng chi phí nhập khẩu giảm 69,3%. Nếu Trung Quốc tiếp tục áp dụng hạn ngạch xuất khẩu đất hiếm thì Trung Quốc sẽ tiếp tục bị thiệt hại do các nước sẽ tìm được nguồn thay thế (ví dụ hiện nay Ôxtrâyliya đang mở rộng khai thác đất hiếm để thay thế sụt giảm nguồn cung từ Trung Quốc), và hoạt động xuất khẩu lậu sẽ gia tăng.

1.3. Như vậy, Trung Quốc đang ngày càng cố gắng sử dụng công cụ trừng phạt kinh tế để áp đặt ý chí trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên hiệu quả của các chính sách này là khá hạn chế, và ngắn hạn. Trung Quốc không có khả năng áp đặt cấm vận thương mại hoàn toàn đối với một đối tác nào khác. Ngay cả khi Trung Quốc lựa chọn các mặt hàng dễ gây tổn thương nhất cho đối phương thì cũng không có kết quả do sự ràng buộc chằng chịt trong hệ thống thương mại quốc tế và sức mạnh của thị trường thế giới trong việc tìm kiếm nguồn thay thế sự hạn chế từ phía Trung Quốc. Sức mạnh đáng kể nhất của Trung Quốc trong việc sử dụng công cụ kinh tế gây sức ép trong quan hệ quốc tế đó là sử dụng các hợp đồng mua hàng khổng lồ của chính phủ để gây sức ép lên những đối tác muốn có những hợp đồng đó. Xét tất cả các khía cạnh trên, nếu căng thẳng trong quan hệ Việt - Trung có xảy ra thì rất ít có khả năng Trung Quốc áp dụng các chính sách trừng phạt kinh tế với Việt Nam, và nếu có thì chúng cũng ít có khả năng có hiệu lực.

Trên thực tế, vào đầu tháng 6/2014, Chính phủ Trung Quốc đã tạm thời cấm các công ty quốc doanh của nước này tham gia đấu thầu dự án ở Việt Nam. Tuy nhiên, việc không có nhà thầu Trung Quốc cũng sẽ không có ảnh hưởng đáng kể đến kinh tế Việt Nam. Thực tế nhà thầu Trung Quốc thường vào Việt Nam theo những dự án do chính phủ Trung Quốc tài trợ và họ không mang lại các hiệu quả không thể thay thế tại Việt Nam. Ảnh hưởng nếu có là thông tin trên có thể ngụ ý Trung Quốc sẽ ngừng cấp vốn vay cho Việt Nam. Tuy nhiên tỷ lệ vốn vay của Việt Nam với Trung Quốc cũng không cao, và hiệu quả các dòng vốn này đang là câu hỏi lớn. Do đó Việt Nam tự tin có thể bù đắp hiệu quả nguồn thiếu hụt này.

Một con bài khác có thể được Trung Quốc sử dụng để gây sức ép kinh tế đối với Việt Nam là hạn chế giao thương tại các cửa khẩu. Tại thời điểm tháng 6/2014, theo nguồn tin của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết đã nhận được thông tin phía Trung Quốc đang tăng cường giám sát xuất nhập khẩu tiểu ngạch về thương mại, thậm chí có cửa khẩu sẽ dừng giao thương nông sản.

Theo ông Xu Liping, chuyên viên về quan hệ giữa Trung Quốc với các nước Đông Nam Á tại Viện Chiến lược Quốc tế thuộc Viện Hàn lâm khoa học xã hội Trung Quốc: **“Bắc Kinh muốn gây sức ép kinh tế lên Chính phủ Việt Nam”**. Đây là dấu hiệu cho thấy Trung Quốc đang chơi lá bài kinh tế mặc dù hiệu quả đến đâu thì chúng ta còn phải chờ xem. Theo ông Zhang Jie, một chuyên viên đối ngoại khác ở Viện Hàn lâm khoa học xã hội Trung Quốc, tác động của lệnh cấm dự thầu này sẽ **“rất hạn chế”** ở Việt Nam. Trung Quốc không thể đe dọa phát triển kinh tế ở Việt Nam vì khối lượng hoạt động của

Trung Quốc ở đó là quá nhỏ bé. Ngay cả các doanh nghiệp Trung Quốc được tham gia đấu thầu thì trong tình hình hiện nay Chính phủ Việt Nam cũng sẽ không để cho nhà thầu Trung Quốc được thắng”.

1.4. Tại buổi họp báo về kinh tế - xã hội 6 tháng của Tổng cục Thống kê sáng 27/6, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê - Nguyễn Bích Lâm cho biết hiện Trung Quốc đang là bạn hàng quan trọng của Việt Nam, chiếm một phần tư kim ngạch nhập khẩu (chủ yếu là nguyên vật liệu, phụ liệu sản xuất). Do đó, nếu quan hệ thương mại với Trung Quốc ngưng trệ, chắc chắn kinh tế trong nước sẽ bị tác động. Kịch bản xấu nhất xảy ra khi quan hệ với Trung Quốc đóng băng và Việt Nam chưa tìm được thị trường thay thế. Khi đó, kinh tế Việt Nam khó đạt mục tiêu tăng trưởng 5,8% do quan hệ thương mại với Trung Quốc bị ảnh hưởng. Thậm chí, GDP có thể giảm 10% nếu thương mại Việt - Trung ngưng trệ.

Quan điểm của lãnh đạo Tổng cục Thống kê trùng với nhiều ý kiến của chuyên gia kinh tế. Theo Trung tâm Nghiên cứu Chính sách và kinh tế (VEPR), cú sốc từ việc Trung Quốc đặt giàn khoan trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế năm nay và cả năm sau. Kịch bản xấu nhất có thể khiến GDP năm 2014 tăng trưởng dưới 5% - mức thấp nhất 5 năm gần đây. Tại buổi công bố Báo cáo thường niên Kinh tế Việt Nam ngày 29/5/2014 với chủ đề “Những ràng buộc đối với tăng trưởng”, TS. Nguyễn Đức Thành - Trưởng nhóm nghiên cứu VEPR - nhận định kinh tế Việt Nam đã hồi phục nhưng quá trình hồi phục còn “nhẹ và mong manh. VEPR đưa ra dự báo 2 kịch bản tăng trưởng kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong năm nay. Ở kịch bản thấp, GDP đạt khoảng 4,15%, kịch bản cao hơn cũng chỉ ở mức 4,88% - cả hai đều thấp hơn thành tích 5,42% đã đạt được trong năm 2013. Trước khi có “cú sốc” Trung Quốc, VEPR đưa ra mức dự báo tăng trưởng GDP từ 5,4%-5,5% nhưng vụ việc xảy ra chắc chắn sẽ khiến nền kinh tế có sự suy giảm nhất định dù đã tính đến việc Chính phủ và các doanh nghiệp thích nghi, thay đổi với hoàn cảnh. Việc Trung Quốc hạ đặt trái phép vào vùng biển của Việt Nam khiến chúng ta mất từ 1 - 1,5 tỷ USD, tương ứng khoảng 0,7% GDP của đất nước. Được biết, trước đó, khoảng trung tuần tháng 6/2014, nhiều chuyên gia khác cũng đều có ý kiến như TS. Nguyễn Đức Thành và cho rằng đều đánh giá nếu Trung Quốc vẫn tiếp tục kéo dài hành động này và đến cuối tháng 8/2014 mới rút giàn khoan về nước thì những tác động của sự kiện này sẽ vào khoảng 2 tỷ USD (tương ứng 1% GDP) của Việt Nam.

Tác động của sự kiện này không có tính trực tiếp mà chủ yếu gián tiếp đến các ngành và lĩnh vực trong đó nặng nề nhất là ngành du lịch và nông, thủy hải

sản xuất khẩu. Theo thống kê, từ tháng 5 - 6/2014 tại 18 khách sạn lớn nhất ở Việt Nam, số lượng khách du lịch hủy tour là 10%, từ tháng 6 - 7/2014 là 30%, gây thiệt hại khoảng 18 triệu USD cho ngành du lịch Việt Nam.

Với quy mô nền kinh tế nhỏ hơn và bất lợi khi phụ thuộc thị trường với Trung Quốc ở một số ngành chúng ta rõ ràng bị ảnh hưởng. Chúng ta bị ảnh hưởng lớn từ mâu dịch khi tâm lý doanh nghiệp hai nước nghi ngại và một số đơn hàng bị hủy.

Tuy nhiên, đây chỉ là vấn đề "thời vụ" vì rất nhiều doanh nghiệp Trung Quốc đã trở lại giao thương ngay sau đó với doanh nghiệp Việt Nam. Xét về tổng thể, Việt Nam chỉ ảnh hưởng ở thương mại, còn đầu tư, chúng ta không bị ảnh hưởng nhiều bởi vốn FDI của Trung Quốc vào Việt Nam không nhiều và Trung Quốc cũng chỉ thặng dư với Việt Nam lớn ở mâu dịch. Trung Quốc không phải là nhà đầu tư lớn và có ảnh hưởng đến môi trường đầu tư.

Theo tính toán của chuyên gia kinh tế Bùi Trinh (Tổng cục Thống kê), kết quả tính toán cho thấy với các giả thiết: tổng thầu ngưng trệ, đầu tư FDI từ Trung Quốc giảm 50%; xuất khẩu giảm 20%; nhập khẩu giảm 20% thì kết quả là nhập khẩu của Việt Nam cũng giảm khoảng 40%. Với tình huống đó, GDP giảm khoảng 1,68%. Tuy nhiên, nếu thay thế được tổng thầu với đối tác khác hoặc với các đối tác trong nước và sản xuất ít phụ thuộc vào nhập khẩu hơn thì ảnh hưởng này sẽ giảm bớt. Bên cạnh đó, nếu thay thế xuất khẩu sang Trung Quốc bằng xuất khẩu sang các nước khác khoảng 5% và cơ cấu xuất khẩu thay đổi (chuyên tỷ trọng xuất khẩu ở khu vực công nghiệp sang khu vực dịch vụ) thì động thái này lại làm GDP tăng 0,22-0,5%.

Khác với quan điểm của các chuyên gia trong nước, Ông Sandeep Mahajan, Chuyên gia kinh tế trưởng của Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam, cho biết căng thẳng với Trung Quốc về vấn đề Biển Đông không làm thay đổi kịch bản tăng trưởng của Ngân hàng Thế giới đối với Việt Nam, những tác động nếu có cũng “*chỉ là cú sốc tạm thời*” mà Việt Nam có thể hồi phục được. Không có lý do để đến nỗi phải điều chỉnh giảm tăng trưởng GDP (của Việt Nam). Điều quan trọng là Việt Nam phải có những phản ứng nhanh nhạy, kịp thời.

Báo cáo cập nhật kinh tế vĩ mô Việt Nam của HSBC (6/2014) cũng cho rằng, tác động kinh tế ngắn hạn từ căng thẳng địa chính trị sẽ tương đối hạn chế, nhưng với một số ngành như dịch vụ du lịch thì sẽ bị ảnh hưởng nhiều. Du

khách đến từ Trung Quốc hiện đang chậm lại, song nhóm phân tích vẫn dự đoán, lượng du khách này sẽ trở lại con số bình thường trong những tháng tới.

Theo báo cáo của Tổng công ty hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines), trong 4 tháng đầu năm 2014, lợi nhuận của Tổng công ty đạt khoảng 656 tỷ đồng nhờ sử dụng hiệu quả các biện pháp tăng thu và giảm chi. Tuy nhiên, trong tháng 5 và tháng 6 diễn biến trên biển Đông đã tác hại không nhỏ tới hoạt động của hãng hàng không này. Báo cáo cho hay, hệ số sử dụng ghế trong các chuyến bay Trung Quốc chỉ đạt khoảng 30 – 40%; số lượng chỗ hủy đặt tới hơn 40.000 chỗ; số chuyến bay hủy cũng lên tới gần 170 chuyến; đối tác hủy nhiều chuyến thuê tàu bay dù rằng lịch ký là hết mùa hè. Sau 4 tháng lãi lớn, dự kiến lũy kế 6 tháng kết quả của Vietnam Airlines âm khoảng 160 tỷ đồng. Điều này có nghĩa là, chỉ riêng tháng 5 và tháng 6, Vietnam Airlines gánh khoản lỗ lên tới 836 tỷ đồng. Tổng công ty Hàng không Việt Nam xác định những diễn biến về tình hình biển Đông, tình hình bất ổn tại Thái Lan và căng thẳng ở Ukraine sẽ tiếp tục gây áp lực lên hoạt động trong những tháng tiếp theo. Ước tính cả năm, các ảnh hưởng gián tiếp của tình hình biển Đông cũng như tình hình ở Thái Lan có thể làm giảm 145 tỷ đồng doanh thu so với kế hoạch do bị mất lượng khách từ Nhật đến Việt Nam để đi tiếp Thái Lan, lượng khách Trung Quốc đến Việt Nam để đi Xiêm Riệp... Trong khi đó, ảnh hưởng trực tiếp có thể làm giảm doanh thu gần 2.200 tỷ đồng (hoạt động khai thác thường lệ) so với kế hoạch. Được biết, các thị trường Đông Bắc Á (Nhật, Hàn, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan) chiếm 50% tỷ trọng doanh thu mạng đường bay quốc tế của Vietnam Airlines. Trong 6 tháng đầu năm, doanh thu vận tải hành khách quốc tế gần gấp đôi doanh thu vận tải hành khách nội địa và chiếm khoảng 55% tổng doanh thu.

Như vậy, quan hệ thương mại với Trung Quốc chủ yếu là khối tư nhân, khối DNNN bị tác động nếu có sẽ rất hạn chế, trong khi tác động đến khối FDI có thể xảy ra nhưng xác suất nhỏ và tác động cũng không quá lớn.

2. Cơ hội giảm bớt sự phụ thuộc và vươn lên tự chủ về kinh tế

Các biện pháp trả đũa về kinh tế của Trung Quốc, nếu có cũng sẽ đem đến nhiều cơ hội cho những nỗ lực giảm bớt sự phụ thuộc và vươn lên tự chủ về kinh tế, do đó, các doanh nghiệp trong nước cũng cần chủ động chuẩn bị cho cả những cơ hội kinh doanh mới, thị trường có thể mở ra sau đó. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, về nhập khẩu, chỉ tính riêng năm 2013, chúng ta nhập khẩu từ Trung Quốc lên đến 36,9 tỷ USD, trong đó chủ yếu là nguyên vật liệu đầu vào

cho sản xuất trong nước. Với nguồn nhập khẩu các nguyên vật liệu phụ thuộc lớn từ Trung Quốc như vậy, việc Trung Quốc đơn phương cấm xuất khẩu hàng hóa sang Việt Nam sẽ khiến cho giá nguyên vật liệu đầu vào trong nước tăng cao, ảnh hưởng đến sản xuất của doanh nghiệp trong ngắn hạn. Doanh nghiệp trong nước tạm thời phải cắt giảm sản lượng làm tổng cung ngắn hạn của nền kinh tế giảm đi. Những tác động có thể thấy lúc đó là trên thị trường giá cả hàng hóa tăng lên, sản lượng và tăng trưởng kinh tế tạm thời giảm sút. Tuy nhiên, tình trạng này sẽ được cải thiện sau đó (nhanh hay chậm tùy khả năng linh động của nền kinh tế Việt Nam) khi các doanh nghiệp Việt Nam thay thế được nguồn nguyên vật liệu từ các quốc gia khác. Cũng có thể các doanh nghiệp sẽ nhập khẩu qua một nước thứ ba như Lào, Campuchia trước khi vào Việt Nam, đặc biệt là sản xuất trong nước phát triển sẽ thay thế dần được những nguyên vật liệu, hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc. Những phản ứng này của thị trường sẽ từng bước vô hiệu hóa chính sách cấm vận thương mại từ Trung Quốc. Sản lượng sẽ tăng trở lại, giá cả hàng hóa sẽ giảm trở lại bình thường và quan trọng hơn nữa là nếu Trung Quốc làm điều này một cách lâu dài sẽ tạo cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước của Việt Nam sản xuất ra những loại nguyên vật liệu thay thế hàng hóa Trung Quốc và là cơ hội để phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ trong nước.

Thứ hai, về xuất khẩu, nếu Trung Quốc hạn chế hoặc thậm chí cấm Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang Trung Quốc thì đó cũng là cơ hội lớn cho nền kinh tế Việt Nam chuyển đổi sản xuất sang một cấp độ cao hơn. Chỉ tính riêng trong năm 2013, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 13,2 tỷ USD chủ yếu là nguyên vật liệu, nông sản thô, hàm lượng giá trị gia tăng thấp. Nếu tiếp tục tình trạng này, Việt Nam sẽ nhanh chóng mắc “căn bệnh Hà Lan” theo đó, quốc gia nào càng giàu có về tài nguyên và khai thác tài nguyên thô đó đi bán thì kết quả cuối cùng là quốc gia đó sẽ càng trở nên nghèo hơn.

Thứ ba, về khía cạnh đầu tư, việc các nhà đầu tư Trung Quốc rút vốn khỏi Việt Nam cũng không phải là vấn đề lớn với kinh tế Việt Nam nhưng mang lại cơ hội rất lớn để chúng ta loại bỏ các dự án không hiệu quả, ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng và tác động xấu đến môi trường. Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, tính đến ngày 20/5/2014, tổng giá trị vốn điều lệ lý kế các dự án còn hiệu lực của Trung Quốc đầu tư tại Việt Nam chỉ chiếm 3,8% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam (tính theo vốn đăng ký là 3,3%) chỉ đứng thứ 8 trong các quốc gia. Với một tỷ trọng vốn đầu tư ở Việt Nam tương đối khiêm tốn như vậy thì việc Trung Quốc có chấm dứt đầu tư với Việt Nam sẽ khó có một ảnh hưởng mạnh đến nền kinh tế trong nước. Khi chính phủ Trung Quốc yêu cầu các nhà đầu tư rút vốn về nước thì biện pháp này cũng trực tiếp

gây thiệt hại cho chính nhà đầu tư Trung Quốc nên các nhà đầu tư của họ sẽ có nhiều động cơ vô hiệu hóa các quy định từ chính phủ Trung Quốc. Ngoài ra, nguồn đầu tư là dạng đầu tư trực tiếp (FDI) thì không phải cứ muốn rút vốn về là được vì họ còn phải có thời gian để tìm được nhà đầu tư nhận mua lại khoản đầu tư của họ ở dưới dạng các nhà máy, xí nghiệp... nên sẽ khó tạo thành cú sốc lớn cho nền kinh tế trong tức thì. Trong khi đó, nhiều dự án đầu tư của Trung Quốc ở Việt Nam hiện nay là rất cần thiết phải đánh giá lại. Ví dụ dự án bôxít Tây Nguyên sau nhiều năm hoạt động đã công bố bị lỗ; những tác hại về mặt môi trường, xã hội thực tế đã vượt quá những tính toán ban đầu. Đây sẽ là cơ hội vô cùng tốt để loại bỏ đi các dự án không hiệu quả, tiềm ẩn những rủi ro môi trường, xã hội và an ninh quốc phòng mà trong đánh giá trước khi triển khai dự án chúng ta có thể đã chưa thể lường trước được.

Để giảm phụ thuộc vào Trung Quốc, Việt Nam cần có những biện pháp sau:

Thứ nhất, Việt nam cần đa dạng hóa thị trường thông qua việc tham gia vào các hiệp định thương mại quốc tế để tận dụng được những lợi ích của các hiệp định này mang lại.

Thứ hai, nâng cao năng lực sản xuất hàng trong nước, khuyến khích vào các ngành công nghiệp phụ trợ phát triển.

Thứ ba, thực hiện tái cơ cấu và cải cách thể chế quyết liệt.

Thứ tư, khuyến khích đầu tư trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp nội địa.

Thứ năm, hoàn thiện chính sách thu hút nguồn vốn FDI./.

Tài liệu trích tổng thuật:

Tài liệu tham khảo đặc biệt; Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, Tạp chí Tài chính; Các website: Tin nhanh Việt Nam, Kinh tế Sài Gòn Online, Báo Điện tử Chính phủ, Tổng cục Hải quan, Báo dân trí, Thời báo Ngân hàng, Báo Lao động,...